

Số: **380** /BC - CKMK

Quảng Ninh, ngày *29* tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN
Năm báo cáo 2023

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700526478

Vốn điều lệ: 14.325.780.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 14.325.780.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*)

Địa chỉ: Khu Quang Trung, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 0203.3871312

Số fax: 0203.3871387

Website: <http://cokhimaokhe.com.vn>

Mã chứng khoán: CMK

*** Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin là doanh nghiệp thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thành lập ngày 27/02/1982 - Theo Quyết định số: 05MT - TCCB của Bộ trưởng Bộ Mỏ và Than.

Kể từ khi thành lập cho đến tháng 3/1996 Công ty có tên là “ Nhà máy Cơ khí Mạo Khê” là đơn vị thành viên của Công ty Than Uông Bí.

Thực hiện Nghị định 27 - CP của Thủ tướng Chính phủ, kể từ tháng 4 năm 1996 Công ty trở thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam, do cơ quan Nhà nước quản lý được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền quyết định thành lập theo đề nghị của Tổng công ty Than Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 03/2002/QĐ - BCN ngày 02/01/2002/QĐ - BCN ngày 02/01/2002 của Bộ Công nghiệp chuyên “Nhà máy Cơ khí Mạo Khê”, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam thành đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty Than Mạo Khê.

Từ ngày 01/01/2005 theo Quyết định số 125/2004/QĐ- BCN ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ Công nghiệp “ Nhà máy Cơ khí Mạo Khê” được chuyển thành “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê”.

[Chữ ký]

Từ tháng 7/2007 Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê trở thành Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với tên gọi “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - TKV”

Đại hội cổ đông thường niên tháng 4 năm 2011, Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - TKV đổi tên thành “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin”

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu - Chế tạo các thiết bị phụ tùng phục vụ khai thác, vận tải sàng tuyển than và thiết bị chế biến vật liệu xây dựng - Chế tạo các loại xích máng cào và xích phục vụ giao thông, công nghiệp xi măng và mía đường | 2599 |
| 2 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 3 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 2511 |
| 4 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 5 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: - Thiết kế kết cấu thép - Thiết kế thiết bị phụ tùng phục vụ khai thác, vận tải sàng tuyển than và thiết bị chế biến vật liệu xây dựng - Thiết kế các loại xích máng cào và xích phục vụ giao thông, công nghiệp xi măng và mía đường | 7110 |
| 6 | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 3011 |
| 7 | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe | 3020 |
| 8 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2392 |
| 9 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
| 10 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 11 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 4662 |
| 12 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710 |
| 13 | Sản xuất thiết bị điện khác | 2790 |
| 14 | Sửa chữa thiết bị điện | 3314 |
| 15 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |

Địa bàn kinh doanh: Trên toàn lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:



- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra.
- Ban Giám đốc điều hành: Gồm có Giám đốc, các phó giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Phòng ban chức năng: Gồm 04 phòng : (1) Phòng Tổ chức - Hành chính, (2) Phòng Kế hoạch - Vật tư, (3) Phòng Kỹ thuật , (4) Phòng Kế toán - Tài chính.
- Phân xưởng sản xuất: Gồm 03 phân xưởng: (1) Phân xưởng Xích vòng - Đúc, (2) Phân xưởng Cơ khí-Sửa chữa, (3) Phân xưởng Kết cấu.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chung: Đẩy mạnh sản xuất, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý phù hợp, từng bước đổi mới công nghệ, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, năng suất, sức cạnh tranh của sản phẩm, đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động; bảo toàn và phát triển vốn.

- Chiến lược trung và dài hạn: Công ty xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030, Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê -Vinacomin xây dựng Công ty thành đơn vị cơ khí chủ lực của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của Việt Nam chuyên chế tạo các thiết bị chuyên dùng trong khai thác hầm lò, chế biến than phục vụ cho ngành khai thác than, khoáng sản Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2023 tình hình SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác thị trường, đặc biệt trong 7 tháng đầu năm người lao động thiếu việc làm, thu nhập thấp, doanh thu bán hàng thấp không đảm bảo kế hoạch (Doanh thu 68.072 Tr.đồng); Tài chính mất cân đối, lợi nhuận 7 tháng -6.881 Tr. Đồng. Tuy nhiên trong 5 tháng còn lại, sau khi công ty kiện toàn tổ chức nhân sự lãnh đạo, Công ty đã khắc phục khó khăn thực hiện tốt công tác thị trường theo định hướng bám sát các đơn vị sản xuất trong ngành, có nhiều biện pháp trong công tác tiêu thụ vật tư, phụ tùng... tạo được việc làm ổn định cho người lao động và giữ được mối quan hệ tốt với nhiều bạn hàng. Kết quả doanh thu năm 2023 đạt 159,498/195 tỷ đồng bằng 81,8% kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế đạt 1,094/2,600 tỷ đồng bằng 42,1% kế hoạch năm, tiền lương bình quân đạt 9,137/9,338 triệu đồng/người/tháng bằng 97,8% kế hoạch năm.

- An toàn lao động, an ninh trật tự đơn vị được đảm bảo.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1. Tóm tắt lý lịch Giám đốc Phạm Xuân Phi

- Họ và tên: PHẠM XUÂN PHI

- Giới tính: Nam 

- Số CMND: 036069003463; Ngày cấp: 10/8/2021
- Ngày tháng năm sinh: 04/6/1969
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nam Thắng, Huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 9, Khu 4, Phường Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh
- Số điện thoại: 0912380233
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ điện; Kỹ sư ô tô; thạc sỹ kỹ thuật chuyên ngành kỹ thuật cơ khí động lực;
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy công ty.

- Số cổ phần nắm giữ: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2.1.2. Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Vương Quốc Hà

- Họ và tên: VƯƠNG QUỐC HÀ - Giới tính: Nam
- Số CMND/CCCD: 022078002981 Ngày cấp: 23/7/2019
- Ngày tháng năm sinh: 10/08/1978
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0912935537
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy.
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng Ủy Công ty.

- Số cổ phần nắm giữ: 176 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 176 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

+ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.

+ Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.



- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2.1.3. Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Đỗ Xuân Vững

- Họ và tên: ĐỖ XUÂN VỮNG - Giới tính: Nam
- Số CMND/CCCD: 030083011102; Ngày cấp: 25/4/2021
- Ngày tháng năm sinh: 21/12/1983
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Chi Lăng Nam, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 382, tổ 13, Khu Nhuệ Hồ, Phường Kim Sơn, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0986378945
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ công nghệ cơ khí động lực, kỹ sư máy xây dựng.
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2.1.4. Tóm tắt lý lịch của Kế toán trưởng : Bùi Thị Khánh Hà

- Họ và tên: BÙI THỊ KHÁNH HÀ
- Giới tính: Nữ
- Số CCCD : 022185005348 Ngày cấp: 07/03/2019
- Ngày tháng năm sinh: 06/10/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Yên Đức – Thị Xã Đông Triều – Tỉnh Quảng Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Khu Vĩnh Xuân – Phường Mạo Khê – Thị xã Đông Triều – Q. Ninh.
- Số điện thoại: 0983 213 610
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng bộ công ty,
- Số cổ phần nắm giữ : 6.325 cổ phần
- Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân: 6.325 cổ phần



- + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
- + Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 8.080 cổ phần.
- Họ tên và quan hệ của người có liên quan:
- + Chồng : Đỗ Đắc Thành, Cổ phần nắm giữ : 4.040 cổ phần.
- + Bố chồng : Đỗ Đắc Cừ , số cổ phần nắm giữ : 4.040 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Phạm Xuân Phi được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc thay ông Nguyễn Hải Long kể từ ngày 01/8/2023.
- Ông Đỗ Xuân Vững được bổ nhiệm Phó giám đốc từ tháng 4/2023.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBCNV là 235 người. Các chính sách đối với người lao động thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2023, Công ty đã triển khai thực hiện công tác đầu tư XD CB theo kế hoạch năm 2023 điều chỉnh: Tổng giá trị phải thực hiện theo năm kế hoạch là 3.097Tr. đồng, Bao gồm:

- Đối với khối lượng trả nợ năm trước: 02 dự án có giá trị 1.087Tr. đồng.
- + Dự án đầu tư nâng cấp Hệ thống phần mềm quản lý văn bản nội bộ kết nối trực liên thông văn bản nội bộ TKV: đạt 120/120 Tr.đồng.
- + Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2021: Đạt 967/967Tr. Đồng (Bao gồm: 01 hạng mục: lò nung phôi trung tâm, thực hiện nguyên công bước 2) đạt 817/ 817Tr. Đồng; 01 hạng mục: Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cho dự án có giá trị:đạt 150/ 150 TR.đồng).
- Công trình chuyển tiếp: Thực hiện chuyển tiếp 01 dự án có giá trị thực hiện là 1.370Tr. đồng, bao gồm 02 hạng mục.

Dự kiến thực hiện: đạt 1.339/1.370Tr.đồng.

- + Hạng mục 01 Máy tiện CNC: 1.239/1.270 Tr.đồng.
- + Hạng mục chi phí tư vấn và các chi phí khác 100/ 100 Tr.đồng.
- Công trình khởi công mới:

Năm 2023 Công ty đang thực hiện công tác rà soát, chuẩn bị các điều kiện để đầu tư cho 03 dự án với giá trị kế hoạch là 640 Tr. Đồng bao gồm:

- + Dự án: Đầu tư PCCC cho các nhà xưởng kết cấu thép: Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.100Tr.đồng.
- + Dự án: Đầu tư hệ thống mạ: Tổng mức đầu tư dự kiến 2.750Tr.đồng.
- + Dự án: Đầu tư hệ thống làm khuôn đúc mẫu xốp: Tổng mức đầu tư dự kiến 2.550Tr.đồng .

Tổng giá trị thực hiện kế hoạch đầu tư cả năm 2023 của Công ty là: 2.457/3.097 Tr.đồng đạt 79,3% kế hoạch.

 

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

ĐVT: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng giảm |
|----------------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 167.442.849.570 | 116.336.709.764 | -30,5 |
| Doanh thu thuần | 198.501.398.525 | 159.009.332.901 | -19,9 |
| Lợi nhuận từ hoạt động KD | 2.641.727.715 | 982.329.245 | -62,8 |
| Lợi nhuận khác | -90.953.808 | 111.705.643 | 122 |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.550.773.907 | 1.094.034.888 | -57,1 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.565.334.434 | 88.910.722 | -94,3 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 7 | | |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 0,96 | 0,95 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | 0,67 | 0,61 | |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,87 | 0,84 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 7,47 | 5,43 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | 3,70 | 3,56 | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,19 | 1,37 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,001 | 0,008 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 8,73 | 0,5 | |

Handwritten signature

| | | | |
|---|------|------|--|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,93 | 0,08 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh Doanh/Doanh thu thuần | 0,01 | 0,01 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

| | 31/12/2022 | 31/12/2023 |
|--|------------|------------|
| Tổng số cổ phiếu | 1.432.578 | 1.432.578 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.432.578 | 1.432.578 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.432.578 | 1.432.578 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.432.578 | 1.432.578 |
| Trong đó: + Chuyển nhượng tự do | 1.432.578 | 1.432.578 |
| + Hạn chế chuyển nhượng | | |

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

5.2. Cơ cấu cổ đông:

* *Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước*

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than - khoáng sản Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 57 00100256.

Trụ sở: Số 03 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 521.418 chiếm tỷ lệ: 36,39% vốn Điều lệ.

* *Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập*

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập:

| TT | Loại cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|----|--|------------------|-------------------|
| 1 | Nhà nước: Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam | 521.418 | 36,39 |
| 2 | Cổ đông khác | 911.160 | 63,61 |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 |
| | Tổng | 1.432.587 | 100 |

* *Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài (Không có)*

Đinh Hùng

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính của Công ty trong năm: 1.833 tấn. Trong đó hầu hết được tiêu hao vào sản phẩm, sắt thép đầu thừa được đưa vào đúc để tái chế sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: nguồn năng lượng chủ yếu của Công ty là năng lượng điện. Năm qua lượng Điện năng tiêu thụ 1.618.900 Kwh; Dầu điêgen 49.563 lít; Xăng 21.244 lít; Than củ 20935 Kg quy đổi tổng các loại năng lượng sử dụng trong năm 2023 tương đương 336 TOE

6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước là nước sạch từ Công ty cung cấp nước sạch Quảng Ninh; trong năm tổng lượng nước tiêu thụ là: 16.400 m³; Công ty đã có biện pháp sử dụng tái chế nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn chấp hành đúng và đầy đủ về pháp luật về bảo vệ môi trường; không có vi phạm phải xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. *Số lượng lao động, mức lương trung bình*: Tổng số lao động là 235 người. Lao động bình quân sử dụng trong năm là 235 người. Tổng thu nhập bình quân là 9.137 triệu đồng /người/tháng.

b. *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*.

* Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ luật lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

* Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

- Chính sách lương và thưởng: Công ty áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả kinh doanh. Tiền thưởng cũng được xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của từng nhân viên.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

* Chính sách đối với người lao động: Công ty luôn chú trọng chất lượng nguồn nhân lực; thường xuyên sắp xếp bố trí nguồn nhân lực theo yêu cầu của từng giai đoạn phát triển của Công ty cho phù hợp; thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao năng lực người lao động; có chính sách trả lương phù hợp, đảm bảo đời sống cho CBCNV. Sử dụng quỹ phúc lợi cho các hoạt động nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi, tăng cường văn hoá doanh nghiệp. Phát huy tốt các phong trào thi đua, sáng kiến cải tiến

kỹ thuật tăng năng suất lao động nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 24 giờ/người.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Chủ yếu theo chương trình của Tập đoàn Công nghiệp Than - khoáng sản Việt Nam.

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty thường xuyên có các chương trình xây dựng, ủng hộ địa phương nhằm phát triển văn hóa cộng đồng tại địa phương như xây dựng nhà văn hóa khu phố, ủng hộ xây dựng chùa chiền; đóng góp các quỹ do địa phương huy động.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2023 Công ty CP Cơ khí Mạo Khê Vinacomin thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong tình hình khó khăn, các chỉ tiêu cơ bản đều mức thấp hơn kế hoạch đầu năm: doanh thu đạt 159,498/195 tỷ đồng bằng 81,8% kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế đạt 1,094/2,600 tỷ đồng bằng 42,1% kế hoạch năm, tiền lương bình quân đạt 9,137/9,338 triệu đồng/người/tháng bằng 87,8% kế hoạch năm. Sản xuất đảm bảo an toàn, tình hình an ninh trật tự được ổn định

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Những thay đổi về cơ cấu tổ chức, kiện toàn nhân sự cấp cao; tăng cường chính sách, quản lý và áp dụng có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm | So sánh (+/-) |
|------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 92.920.167.274 | 139.375.960.064 | -46.455.792.790 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.392.447.539 | 5.349.278.898 | 43.168.641 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 52.391.112.805 | 89.014.927.435 | -36.623.814.630 |
| Trả trước cho n.bán ngắn hạn | 360.729.606 | 1.100.969.402 | -740.239.796 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 951.968.318 | 1.013.671.200 | -61.702.882 |
| Hàng tồn kho | 33.539.235.950 | 42.353.738.419 | -8.814.502.469 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 284.673.056 | 543.374.710 | -258.701.654 |

| | | | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------|
| B. Tài sản dài hạn | 23.416.542.490 | 28.066.889.506 | -4.650.347.016 |
| Tài sản cố định | 22.465.475.032 | 26.737.760.490 | -4.272.285.458 |
| Chi phí XD cơ bản dở dang | | 137.491.634 | -137.491.634 |
| Tài sản dài hạn khác | 951.067.458 | 1.191.637.382 | -240.569.924 |
| Tổng cộng tài sản | 116.336.709.764 | 167.442.849.570 | -51.106.139.806 |
| C. Nợ phải trả | 97.888.133.747 | 145.659.942.305 | -47.771.808.558 |
| I. Nợ ngắn hạn | 97.888.133.747 | 144.617.181.237 | -46.729.047.490 |
| II. Nợ dài hạn | | 1.042.761.068 | -1.042.761.068 |
| D. Vốn chủ sở hữu | 18.448.576.017 | 21.782.907.265 | -3.334.331.248 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 14.325.780.000 | 19.500.751.939 | -5.174.971.939 |
| II. Nguồn k.phí và quỹ khác | 424.247.790 | 2.282.155.326 | -1.857.907.536 |
| Tổng cộng nguồn vốn | 116.336.709.764 | 167.442.849.570 | -51.106.139.806 |

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2023 giảm 51.106.139.806 đồng so với đầu năm 2023 bao gồm các chỉ tiêu :

- Tài sản ngắn hạn : Giảm 46.455.792.790 đồng, chủ yếu là do phải thu khách hàng giảm 36.623.814.630 đồng tương ứng giảm 41%. Nguyên nhân đã thu được lượng tiền hàng của năm 2023, tuy nhiên số phải thu khách hàng của Công ty vẫn còn cao do xuất hóa đơn cho khách hàng chủ yếu tập trung quý 4 nên chưa có đủ hồ sơ thủ tục thanh toán để thu hồi công nợ thời điểm 31/12/2023.

- Tài sản dài hạn : giảm 4.650.347.016 đồng chủ yếu do trích khấu hao tài sản cố định.

2.2 Về nguồn vốn

Tổng giá trị nguồn vốn cuối năm 2023 giảm 51.106.139.806 đồng so với đầu năm 2023, tương ứng với 44% bao gồm các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu nợ ngắn hạn : Giảm 46.729.047.490 đồng tương ứng 48%, chủ yếu là giảm ở mục vay nợ tài chính ngắn hạn là 41.326.667.269 đồng và giảm phải trả người bán : 3.356.144.415 đồng

- Chỉ tiêu nợ dài hạn : Giảm 1.042.761.068 đồng tương ứng với 100 % là do Công ty đã trả vay dài hạn ngân hàng trước hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Đã đề cập

Sáp nhập phòng ban giảm đầu mối; khoán, quản trị chi phí trên các lĩnh vực; sắp xếp tinh giản bộ máy gián tiếp phục vụ phụ trợ; ổn định tổ chức sản xuất tại các đơn vị, điều chuyển lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc và từng phòng ban, phân xưởng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng tin học hóa vào các khâu quản lý, sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới.
- Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ngoài ngành.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Đảm bảo đúng quy định.

6.2. Đánh giá liên quan đến người lao động: Thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương: Thực hiện đầy đủ.

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Công ty đã và đang duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối tốt, tuy nhiên năm 2023 một số chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận còn chưa đạt kế hoạch đầu năm song căn cứ vào điều hành kết quả SXKD các tháng cuối năm Công ty sẽ phát triển tốt trong thời gian tới;

Đảm bảo tốt nghĩa vụ đối với môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc về cơ bản đã thực hiện, triển khai kịp thời các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và thường xuyên trao đổi, xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong 7 tháng đầu năm Ban giám đốc chưa thực hiện tốt nhiệm vụ trong công tác thị trường tìm kiếm việc làm ảnh hưởng kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



| TT | Họ và tên | Tỷ lệ SHCP có quyền biểu quyết | Ghi chú |
|----|---------------|--------------------------------|--|
| 1 | Phạm Đăng Phú | 36,39 | Chủ tịch, Thành viên độc lập, đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty (TKV) |
| 2 | Phạm Xuân Phi | 0 | Thành viên, Giám đốc điều hành |
| 3 | Đặng Văn Phôi | 1,36 | Thành viên |
| 4 | Đỗ Văn Hình | 3,46 | Thành viên, Chủ tịch công đoàn |
| 5 | Vương Quốc Hà | 0,01 | Thành viên, phó Giám đốc |

1.2. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty; Tổ chức họp và giải quyết tổng thể các việc liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD và các công việc liên quan khác trong thẩm quyền. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Kết quả các cuộc họp: Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành 15 phiên họp. Các cuộc họp đều diễn ra với tinh thần trách nhiệm. HĐQT đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung theo quy định và ban hành đầy đủ nội dung biên bản, nghị quyết cuộc họp để Ban Giám đốc triển khai thực hiện. Nội dung những vấn đề được ban hành bao gồm:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua (%) |
|-----|---------------------------|------------|---|---------------------|
| 1 | 37/NQ-CKMK | 12/01/2023 | 1. Thông qua việc thanh lý tài sản cố định. 2. Thông qua các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2023 của Công ty. 3. Thông qua dự thảo quy chế tài chính của Công ty. 4. Triển khai thực hiện các báo cáo định kỳ năm 2023. | 100 |
| 2 | 38/NQ-CKMK | 12/01/2023 | Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. | 100 |
| 3 | 39/NQ-CKMK | 08/2/2023 | Phê duyệt nội dung họp HĐQT thông qua phương án bổ nhiệm cán bộ. | 100 |
| 4 | 40/NQ-CKMK | 08/2/2023 | Phê duyệt nội dung họp HĐQT thông qua kết quả thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ. | 100 |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua (%) |
|-----|------------------------------|-----------|---|---------------------------|
| 5 | 41/NQ-CKMK | 08/2/2023 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023 của Công ty. 2. Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty. 3. Triển khai thực hiện một số nội dung công tác quản lý điều hành. | 100 |
| 6 | 42/NQ-CKMK | 27/3/2023 | <ol style="list-style-type: none"> 1. thông qua phê duyệt bổ sung Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023 của Công ty. 2. Thông qua phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2020-2025 sau rà soát bổ sung và giai đoạn 2025-2030. 3. thông qua phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2022. 4. Rà soát công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. 5. báo cáo giám sát tài chính 12 tháng, năm 2022. | 100 |
| 7 | 43/NQ-CKMK | 10/4/2023 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua kế hoạch huy động vốn và ủy quyền vay vốn năm 2023 2. Rà soát số liệu báo cáo quý I năm 2023. | 100 |
| 8 | 44/NQ-CKMK | 10/4/2023 | Thông qua bổ nhiệm phó Giám đốc Công ty. | 100 |
| 9 | 45/NQ-CKMK | 18/4/2023 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. 2. Thông qua Chương trình, Thông báo họp và các báo cáo, nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. | 100 |
| 10 | 47/NQ-CKMK | 15/6/2023 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2023. 2. Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Cơ khí Mạ Khê – Vinacomin. 3. Phê duyệt kế hoạch định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và một số hệ | 100 |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua (%) |
|-----|------------------------------|-----------|---|---------------------------|
| | | | số tài chính của Công ty năm 2023. 4. Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022. | |
| 11 | 48/NQ-CKMK | 12/7/2023 | 1. Về nhân sự Ban kiểm soát Công ty và việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường bầu bổ sung Ban kiểm soát Công ty. 2. Về tình hình thực hiện SXKD tháng 6 và 6 tháng năm 2023, giải quyết công nợ của Công ty và một số mặt công tác quản lý khác. | 100 |
| | 49/NQ-CKMK | 31/7/2023 | Thông qua quy trình bổ nhiệm cán bộ. | 100 |
| 12 | 50/NQ-CKMK | 31/7/2023 | Về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Giám đốc Công ty. | 100 |
| 13 | 51/NQ-CKMK | 31/7/2023 | Về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên HĐQT, Giám đốc . | 100 |
| 14 | 52/NQ-CKMK | 31/7/2023 | Về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên chủ tịch HĐQT. | 100 |
| 15 | 53/NQ-CKMK | 31/7/2023 | Thông qua kết quả bầu chủ tịch HĐQT. | 100 |
| 16 | 54/NQ-CKMK | 08/8/2023 | 1. Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT. 2. Về giải pháp điều hành hoàn thành kế hoạch năm 2023. 3. Về phương án kiện toàn tổ chức Công ty. 4. Triển khai công tác nhân sự, kiện toàn Ban kiểm soát. | 100 |
| 17 | 55/NQ-CKMK | 08/9/2023 | Thông qua kết quả SXKD tháng 8 và phương hướng nhiệm vụ tháng 9 năm 2023. | 100 |
| 18 | 56/NQ-CKMK | 08/9/2023 | Thông qua kế hoạch Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023. | 100 |
| 19 | 57/NQ-CKMK | 08/9/2023 | Thông qua việc ủy quyền vay vốn. | 100 |
| 20 | 58/NQ-CKMK | 18/9/2023 | 1. Thông qua kết quả tình hình thực hiện SXKD 7 tháng và dự kiến thực hiện cả năm 2023. 2. Giao cho Giám đốc xử lý tồn kho | 100 |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua (%) |
|-----|------------------------------|------------|---|---------------------------|
| | | | Công ty. | |
| 21 | 342/BB-CKMK | 04/11/2023 | Kiểm điểm HĐQT, Ban giám đốc liên quan đến các tồn tại 7 tháng của Công ty. | 100 |
| 22 | 348/BB-CKMK | 08/12/2023 | Đánh giá cán bộ năm 2023. | 100 |

- Thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao: Mặc dù năm 2023 là một năm rất khó khăn trong công tác thị trường và những tác động bất lợi từ thị trường vật tư đầu vào nhưng HĐQT đã hoàn thành vai trò chỉ đạo Công ty. Tuy nhiên Công ty không hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra về doanh thu, lợi nhuận.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát: Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng...) thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông.

Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không có tiểu ban

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

| TT | Họ và tên | Tỷ lệ SHCP có quyền biểu quyết | Ghi chú |
|----|----------------------|-----------------------------------|------------|
| 1 | Nguyễn Thị Lan Anh | - | Trưởng ban |
| 2 | Đình Mai Lâm | 0,26 | Thành viên |
| 3 | Nguyễn Đại Dương Anh | - | Thành viên |

Đinh Mai Lâm

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo chức năng và quy định của Điều lệ Công ty. Trong quá trình hoạt động, các thành viên Ban Kiểm soát đã thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty để nắm bắt những vấn đề, sự kiện phát sinh liên quan đến quá trình hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty.

- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Đưa ra các ý kiến đối với các vấn đề có liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các quyết định đầu tư, tham gia sửa đổi và bổ sung các quy chế quản lý, quy định trong nội bộ Công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, cả năm và đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đề ra. Kiểm tra thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, năm; nhận xét, đánh giá kiến nghị những tồn tại trong hoạt động với Ban lãnh đạo điều hành để khắc phục.

- Năm 2023 Ban kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp để trao đổi, thống nhất các nội dung liên quan đến phạm vi, nhiệm vụ của ban kiểm soát đồng thời xem xét, đánh giá, thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty và phân công nhiệm vụ các thành viên trong BKS. Các thành viên của BKS đã tham gia họp đầy đủ, cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số tiền (ng.đồng) | Ghi chú |
|----|------------------|--|----------------------|------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT từ tháng 1 đến 7 năm 2023 | 35.980 | Thù lao |
| 2 | Phạm Đăng Phú | Chủ tịch HĐQT từ tháng 8 đến 12 năm 2023 | 25.700 | Thù lao |
| 3 | Nguyễn Hải Long | Thành viên HĐQT, Giám đốc từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2023 | 203.560 | Lương và thù lao |
| 4 | Phạm Xuân Phi | Thành viên HĐQT, Giám đốc từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2023 | 145.400 | Lương và thù lao |
| 5 | Đỗ Văn Hinh | Thành viên HĐQT, Chủ tịch CĐ | 292.560 | Lương và thù lao |
| 6 | Đặng Văn Phối | Thành viên HĐQT | 314.530 | Lương và thù lao |

| | | | | |
|----|----------------------|---|---------|---------------------|
| 7 | Vương Quốc Hà | Thành viên HĐQT - P. Giám đốc | 315.360 | Lương và thù lao |
| 8 | Lê Hồng Quang | Trưởng BKS từ tháng 1 đến 9 năm 2023 | 206.100 | Lương |
| 9 | Nguyễn Thị Lan Anh | Trưởng BKS từ tháng 11 đến 12 năm 2023 | 9.160 | Thù lao |
| 10 | Đình Mai Lâm | Thành viên BKS | 189.104 | Lương và thù lao |
| 12 | Nguyễn Đại Dương Anh | Thành viên BKS | 201.032 | Lương và thù lao |

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: *Không*)

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Giao dịch giữa công ty với công ty mà ông Nguyễn Trọng Tốt – Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là thành viên HĐQT của các công ty trong năm 2023:

- Hợp đồng giao dịch với Công ty Than Đèo Nai: tổng giá trị 1.372 trđ.
- Hợp đồng giao dịch với Công ty Than Vàng Danh: tổng giá trị 12.967 trđ.
- Hợp đồng giao dịch với Công ty Than Hà Lâm: tổng giá trị 4.158 trđ.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

* Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ : Tại thuyết minh số 04 (Phải thu ngắn hạn khách hàng) của bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang theo dõi khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 4 với số tiền là : 3.244.133.019 đồng do Công ty làm thầu phụ cho Công ty này. Dự án này do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam làm chủ đầu tư và đang trong giai đoạn quyết toán. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 4 đã có công văn đề nghị Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ (Công ty Cổ phần Cơ Khí Mạo Khê), tuy nhiên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam chưa có văn bản trả lời về vấn đề này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản công nợ trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề đó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

* Ý kiến kiểm toán ngoại trừ



Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*** Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Địa chỉ Website công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:
<http://cokhimaokhe.com.vn>

[Handwritten signature]

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, Ban GD, KKT;
- Lưu: Thư ký, VP.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật Công ty



Phạm Xuân Phi